Mẫu số 40-DS

TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGUYÊN BÌNH** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 42/2020/QĐST-HNGĐ	*Nguyên Bình, ngày 23 tháng 10 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 39/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2020, giữa:

- ***Nguyên đơn:*** Chị Đặng Thị N, sinh ngày 13/11/1993

Trú tại: Xóm N, xã H, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng.

- ***Bị đơn:*** Anh Triệu Đức H, sinh ngày 26/7/1984

Trú tại: Xóm N (nay là xóm T), xã C, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 10 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 10 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đặng Thị N và anh Triệu Đức H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- ***Về quan hệ hôn nhân:*** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đặng Thị N và anh Triệu Đức H.

- ***Về con chung***: Công nhận sự thỏa thuận của chị N và anh H về con chung như sau: Chị N, anh H xác nhận anh chị có hai con chung là Triệu Thị L, sinh ngày 05/7/2008 và Triệu Trần T1, sinh ngày 06/01/2010. Sau khi ly hôn, anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con cho đến đủ 18 tuổi. Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị N có quyền, nghĩa vụ thăm non con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị N và anh H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về vay, nợ chung: Không có.

- Về án phí: Chị N, anh H thuộc hộ nghèo nên được miễn nộp tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND huyện Nguyên Bình;
- THA DS huyện Nguyên Bình;
- UBND xã C;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Mã Nguyệt Thu